TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **06**/2018/DS-ST
Ngày 26/04/2018
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

THnh phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Giáp Văn Phẩm

2. Bà Lý Thị Liên

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nhường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 04 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2017/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2017 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXXST- DS ngày 05 tháng 03 năm 2018 giữa các đương sự:

** NgU đơn: Anh **Trần Minh Q** - Sinh năm 1966.*

- Địa chỉ: Kim 1- xã P – huyện LN – tỉnh Bắc Giang.

** Bị đơn: Anh **Nguyễn Ngọc H** - 1978.*

*Chị **Nguyễn Thị Phương U** - 1979.*

- Địa chỉ: Kim 1- xã P – huyện LN – tỉnh Bắc Giang.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

*Chị **Phạm Thị Thanh H** - Sinh năm 1971*

- Địa chỉ: Kim 1- xã P – huyện LN – tỉnh Bắc Giang.

Người khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết vụ án: Anh Trần Minh Q - Sinh năm 1966.

- Địa chỉ: Kim 1- Phượng Sơn - Lục Ngạn - Bắc Giang.

Anh Q vắng mặt ủy quyền cho chị H, chị H có mặt. Anh H có mặt, chị U vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 18/10/2017, những lời khai tiếp theo, trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn anh Trần Minh Q trình bày:

Giữa vợ chồng anh và vợ chồng anh Nguyễn Ngọc H chị Nguyễn Thị Phương U có mối quan hệ quen biết với nhau từ trước. Do cần vốn để làm ăn vợ chồng anh H chị U có đến nhà anh hỏi vay tiền, vợ chồng anh đồng ý cho vay. Ngày 31/01/2015 anh cho vợ chồng anh H chị U vay số tiền 257.000.000 đồng, hai bên có làm giấy vay nợ, có thỏa thuận lãi suất 1%/tháng. Tuy nhiên việc thỏa thuận lãi suất không ghi vào trong giấy vay nợ, vợ chồng anh H chị U và anh có cùng ký vào giấy vay nợ. Hai bên thỏa thuận sau hơn 1 tháng đến hết tháng giêng âm lịch thì anh H chị U trả cả gốc và lãi. Tuy nhiên đến hẹn vợ chồng anh H chị U không trả nợ cho anh. Anh đã nhiều lần đến đòi nhưng anh H chị U khất nợ, đến tháng 8/2016 âm lịch anh H chị U trả cho anh được 20.000.000 đồng và hẹn đến tháng 12/2016 sẽ trả tiếp 20.000.000 đồng nữa. Tuy nhiên đến tháng 12/2016 anh H chị U không thực hiện việc thanh toán như đã thỏa thuận. Mặc dù anh đã nhiều lần đòi nợ nhưng anh H chị U hẹn nhiều lần nhưng đến nay vẫn chưa trả cho anh được đồng nào. Nay anh đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh H chị U phải trả cho anh số tiền gốc đã vay là 257.000.000 đồng và số tiền lãi tính đến thời điểm hiện tại là 82.420.000 đồng được trừ đi số tiền lãi 20.000.000 đồng đã trả còn lại là 62.420.000 đồng.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc H trình bày: Giữa vợ chồng anh và vợ chồng anh Q chị H có quen biết nhau từ trước và là người cùng phố K, Xã P, huyện LN. Anh xác nhận có vay tiền của anh để sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên việc vay nợ được thực hiện vào năm 2012, anh vay làm 3 lần với số tiền 120 triệu, anh đã trả được 50 triệu tiền gốc và lãi. Sau khi vay tiền thì anh trực tiếp sử dụng số tiền này vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Sau đó làm ăn kinh tế khó khăn anh chưa trả được tiền anh chị H. Đến ngày 30/01/2015 vợ chồng anh chị H đến nhà anh chốt lại số nợ cả gốc và lãi. Với nội dung vợ chồng anh nợ anh chị H anh Q số tiền 257.000.000 đồng. Trước kia khi vay tiền thì vợ anh là chị U

không hề biết nhưng khi làm lại giấy vay nợ ngày 30/01/2015 để đảm bảo anh có bảo vợ anh là chị U và anh cùng ký nhận vào giấy vay nợ. Đến ngày 06/10/2016 anh đã trả được 20 triệu, anh có hẹn tiếp đến tháng 12/2016 trả tiếp 20 triệu nhưng đến tháng 12/2016 anh không trả được nợ như đã hẹn và từ đó đến nay anh không trả được nợ cả gốc và lãi cho anh vì làm ăn thua lỗ. Nay anh Q làm đơn khởi kiện vợ chồng anh. Anh xác định có vay số tiền 257.000.000 đồng và số tiền lãi còn lại là 62.240.000 đồng anh đồng ý trả số tiền gốc còn nợ lại là 257.000.000 đồng và số tiền lãi 62.240.000 đồng. Tuy nhiên anh Chưa trả ngay được, khi nào có điều kiện anh sẽ trả sau.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Phương U trình bày. Chị là vợ của anh Nguyễn Ngọc H. Giữa vợ chồng anh và vợ chồng anh Q chị H có quen biết với nhau từ trước. Tuy nhiên việc vay nợ giữa chồng chị là anh H và vợ chồng anh Q chị H như thế nào chị không được biết. Khi vay tiền về anh H cũng không nói lại với chị và chị cũng không được tiêu số tiền này. Mãi sau này vào ngày 30/01/2015 khi hai bên làm giấy vay nợ anh H bảo chị ký vào giấy vay nợ chị cũng ký và mới biết anh H vay của anh Q số tiền 257.000.000 đồng. Sau đó do làm ăn gặp khó khăn nên vợ chồng chị chưa trả được số tiền trên cả gốc và lãi cho anh Q , chị H. Nay anh Q khởi kiện yêu cầu vợ chồng chị trả số nợ gốc là 257.000.000 đồng và 62.240.000 đồng tiền lãi. Quan điểm của chị xác định đây là khoản nợ riêng của anh H mặc dù chị có ký nhưng không liên quan tới chị. Do vậy anh H vay thì anh H trả, chị không đồng ý trả cùng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Thanh H trình bày: Chị là vợ của anh Trần Minh Q . Giữa vợ chồng chị và vợ chồng anh H chị U có mối quen biết nhau từ trước. Việc chồng chị anh Q cho anh H chị U vay số tiền gốc 257.000.000 đồng chị có được biết. Chị có nhiều lần đến đòi anh H chị U số tiền trên và tiền lãi nhưng vợ chồng anh H chị U chưa trả được tiền cho chị. Chị đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chồng chị.

Chị đề nghị Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết buộc vợ chồng anh H chị U phải thanh toán trả cho vợ chồng chị số tiền gốc còn lại là 257.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 30/01/2015 theo lãi suất hai bên thỏa thuận là 82.240.000 đồng được trừ đi 20.000.000 đồng tiền lãi anh H chị U đã trả vợ chồng chị, còn lại 62.240.000 đồng tiền lãi. Chị yêu cầu vợ chồng anh H chị U phải trả ngay 257.000.000 đồng tiền nợ gốc và 62.240.000 đồng tiền nợ lãi.

Tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn anh Trần Minh Q ủy quyền cho vợ là Phạm Thị Minh H, chị H chấp nhận ủy quyền của anh Q thay mặt anh

tham Q gia phiên tòa. Chị H đại diện cho nguyên đơn vẫn giữ ngU nội dung đơn khởi kiện. Chị đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh H, chị U phải trả cho anh và chị ngay số tiền 257.000.000 đồng tiền gốc và 62.240.000 đồng tiền lãi. Anh H xác nhận là vào ngày 30/01/2015 anh có tự tay viết giấy nhận nợ số tiền 257.000.000 đồng với vợ chồng anh Q chị H, anh có cùng với vợ anh là chị Nguyễn Thị Phương U có cùng ký nhận nợ. Tuy nhiên anh cho rằng đây là số tiền cộng cả gốc và lãi do trước đó anh có nhờ một người vay tiền hộ với anh chị H. Anh cũng đề nghị chị H giảm lãi cho anh. Chị H xác định vào ngày 30/01/2015 vợ chồng chị có trực tiếp cho anh H chị U vay số tiền 257.000.000 đồng tiền gốc, trước đó vợ chồng chị và anh H chị U chưa hề có quan hệ vay nợ và cũng không cho ai vay hộ anh H chị U, chị vẫn đề nghị anh H chị U phải trả vợ chồng chị số tiền 257.000.000 đồng tiền gốc và 62.240.000 đồng tiền lãi. Anh H xác định là vợ chồng anh có được ký nhận số nợ 257.000.000 đồng và lãi suất theo thỏa thuận vào ngày 30/01/2015 còn những lần vay trước đó anh khẳng định là không có tài liệu chứng cứ nào chứng minh. Nay anh đồng ý trả cho anh chị H số tiền số tiền 257.000.000 đồng tiền gốc và 62.240.000 đồng tiền lãi.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Toà án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án.

Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tộ tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Minh Q.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 305; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự 2005; Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Điều 6, điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc anh Nguyễn Ngọc H và chị Nguyễn Thị Phương U phải trả cho anh Trần Minh Q và chị Phạm Thị Thanh H số tiền 257.000.000 đồng tiền gốc và 62.240.000 đồng tiền lãi.

Anh Nguyễn Ngọc H và chị Nguyễn Thị Phương U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đánh giá đầy đủ, toàn diện chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Anh Trần Minh Q khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết về quan hệ vay nợ với anh Nguyễn Ngọc H và chị Nguyễn Thị Phương U. Đây là quan hệ tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn là anh Trần Minh Q vắng mặt có giấy ủy quyền cho chị Phạm Thị Thanh H tham gia phiên tòa. Bị đơn là chị Nguyễn Thị Phương U dù được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục xét xử vụ án, xét xử vắng mặt anh chị U.

[2] Đối với yêu cầu đòi nợ gốc của anh Q chị H: Hội đồng xét xử xét thấy việc thoả thuận vay tiền giữa anh Trần Minh Q và vợ chồng anh Nguyễn Ngọc H chị Nguyễn Thị Phương U là có thật. Vì hai bên có làm giấy tờ vay tiền và ký nhận nợ, có quy định thời hạn trả nợ. Trong quá trình làm việc tại Toà án cũng như tại phiên toà hôm nay, anh Nguyễn Ngọc H đều thừa nhận có vay tiền của anh chị H. Chị Nguyễn Thị Phương U là vợ anh H trình bày không biết việc vay tiền của anh H và anh Q như thế nào. Tuy nhiên khi hai bên làm giấy vay nợ chị có cùng anh H ký xác nhận vào giấy nhận nợ, khi ký vào giấy nhận nợ chị cũng được biết số nợ gốc là 257.000.000 đồng và tiền lãi. Sau khi làm giấy vay nợ thì anh H chị U mới trả được cho anh số tiền 20 triệu vào ngày 16/10/2015 âm lịch và từ đó đến nay do làm ăn khó khăn anh H chị U không trả được tiền cho anh Q. Nay anh Q khởi kiện yêu cầu anh H chị U phải trả số tiền gốc và lãi như trên. Căn cứ vào giấy vay tiền được ký kết giữa hai bên, lời khai của hai bên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay. Yêu cầu khởi kiện của anh Q là có căn cứ nên được chấp nhận.

Trong vụ án này bị đơn là anh H và chị U là hai vợ chồng. Anh H đồng ý trả số tiền gốc và tiền lãi theo yêu cầu khởi kiện của anh . Tuy nhiên chị Nguyễn Thị Phương U lại xác định đây là quan hệ vay nợ riêng giữa anh H và anh Q vì chị không biết anh H vay tiền anh như thế nào. Chị có ký vào giấy vay nợ nhưng chị không vay tiền, anh H vay thì anh H trả chị không trả. Xét thấy việc

chị U cùng anh H ký kết vào giấy vay tiền của chị U hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, khi ký chị U hoàn toàn biết được nội dung của giấy vay tiền và hoàn toàn là người tỉnh táo. Nội dung giấy vay tiền thể hiện là vợ chồng vay chứ không có nội dung nào thể hiện đây là khoản vay riêng của anh H. Do vây cần xác định đây là khoản nợ chung và cần cần buộc vợ chồng anh H chị U phải trả số nợ cho anh Q chị H.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi của khoản tiền vay: Trong quá trình giải quyết vụ kiện anh Trần Minh Q và chị Phạm Thị Thanh H yêu cầu vợ chồng anh H chị U phải trả tiền lãi là 62.240.000 đồng. Tại phiên tòa ngày hôm nay các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về số tiền lãi theo đó anh H đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của anh chị H. Viêc thỏa thuận là hoàn toàn tự nguyện và cũng không vượt quá 20%/năm theo đúng quy định của khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015. Tuy nhiên các đương sự không thống nhất được thời hạn trả nợ. Vì thế yêu cầu tính lãi của anh Q, chị H là có căn cứ nên cần được chấp nhận.

Vì vậy cần buộc vợ chồng H chị U phải trả cho vợ chồng anh Q chị H số tiền nợ gốc là 257.000.000 đồng và tiền lãi là 62.240.000 đồng. Tổng cộng là 319.240.000 đồng là phù hợp với Điều 305; Điều 471; Điều 474, Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005.

[4] Yêu cầu đòi nợ của anh Q được chấp nhận do vậy anh H, chị U phải chịu phần án phí dân sự sơ thẩm của khoản tiền này. Số tiền anh đã nộp tạm ứng án phí cần trả lại cho anh .

**** Vì các lẽ trên:***

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 305; Điều 471; Điều 474; Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và lệ phí Tóa án. TU xử:

1.Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Minh Q . Buộc vợ chồng anh Nguyễn Ngọc H, chị Nguyễn Thị Phương U phải có trách nhiệm thanh toán cho anh Trần Minh Q, chị Phạm Thị Thanh H số tiền gốc là 257.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi bẩy triệu đồng chẵn) và tiền lãi là 62.240.000 đồng (Sáu mươi

hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn) Tổng cả gốc và lãi là: 319.240.000 đồng (Ba trăm mười chín triệu hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hàng án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự: thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Ngọc H, chị Nguyễn Thị Phương U phải chịu 15.962.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh H, chị U chưa nộp án phí. Hoàn trả anh Trần Minh Q số tiền 6.425.000 đồng là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0003105 ngày 23/10/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

- Nơi nhận:
- Toà án ND tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát tỉnh Bắc Giang;
- Viện kiểm sát ND huyện Lục Ngạn;
- các đương sự;
- Chi cục THA huyện Lục Ngạn;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Việt Hùng